

Bản án số: 150/2025/HS-ST
Ngày: 03-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Hoai và ông Lý Thanh Tú

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Hồng Đình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (cơ sở 2: Số I đường T, phường L, tỉnh An Giang), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 137/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đối với bị cáo:

Lê Thị H, sinh ngày 24/7/1985 tại tỉnh Thanh Hoá, số Căn cước công dân: 038185046731; giới tính: nữ; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa); nơi ở: số A, ngõ C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: buôn bán tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: 12/12; Cha: ông Lê Đình P (đã chết), Mẹ: bà Nguyễn Thị L (đã chết), có 03 anh chị em bị cáo là người con thứ ba; Con: bị cáo có 02 người con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018);

+ Tiền án: Không;

+ Tiền sự: Không;

Bị cáo Lê Thị H đang bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 27/02/2025 đến nay, tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh A. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa của bị cáo Lê Thị H: Ông Phùng Ngọc L1 (1976) là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Phùng Gia thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; (có mặt)

Bị hại: Bà Cao Gia H1, sinh năm 1994, nơi cư trú: Đường T, tổ D, khóm D, xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người làm chứng:

- + Bà Lê Thị Bích P1; (có mặt)
- + Bà Mai Thị Ngọc D; (có mặt)
- + Ông Mai Thành N. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Gia H1 gặp và quen biết với Lê Thị H khi H vào xã T chơi với Lê Văn Đ (bạn của Chau Huỳnh S; chồng của H1). Ngày 30/6/2024, Huỳnh S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố, tạm giam về tội “Tổ chức đánh bạc”; H1 nói cho H biết và nhờ H từ Thành phố Hà Nội vào tỉnh An Giang gặp H1 để bàn bạc, tìm người quen lo cho S ra ngoài, đồng thời H1 chuyển khoản cho H 15.000.000 đồng làm chi phí đi đường. Tại An Giang, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của H1 để tiêu xài, nên nói dối có quen biết với nhiều người công tác trong ngành Công an; kêu H1 đưa tiền để H nhờ người lo cho S ra ngoài, không bị xử lý hình sự. Tin thật, H1 đồng ý và trong thời gian từ ngày 05/7/2024 đến ngày 08/9/2024, H 05 lần đưa tiền cho H, mỗi lần từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, tổng cộng 185.000.000 đồng theo yêu cầu của H. Đến ngày 28/10/2024, H1 phát hiện bị H nói dối để lừa gạt tiền, nên làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A. Ngày 21/01/2025, H đến Cơ quan điều tra đầu thú, đến ngày 25/02/2025 bị khởi tố, điều tra.

** Tại Kết luận giám định:* số 1607/KL-KTHS ngày 11/12/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A:

Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI 1: 354466594839230 và số IMEI 2: 354466594851144 (ký hiệu A) do cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh A gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục và đĩa DVD dữ liệu trích xuất kèm theo giao cho Cơ quan điều tra.

Kèm theo kết luận giám định: 01 Phụ lục gồm 12 trang A4 và 01 đĩa DVD nhãn hiệu RISHENG, có tổng dung lượng 1,19 GB, trên đĩa có ghi “Vụ: 1607/KL-KTHS ngày 11/12/2024” và chữ ký của Giám định viên Giáp Thanh T. (Bút lục số 12 - 25).

* *Tại Kết luận giám định: số 793/KL-KTHS ngày 10/6/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – V:*

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 15 file âm thanh mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nữ trong 15 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Lê Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra. (Bút lục số 29 - 30).

* *Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS.P2 ngày 21/10/2025 của Viện Kiểm sát tỉnh An Giang truy tố bị cáo Lê Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.*

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với các Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội: Cáo trạng đã quy kết bị cáo Lê Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đối với số tiền 15 triệu đồng, bị hại thừa nhận đây là số tiền Dân sự mà bị hại tự nguyện đưa cho bị cáo nên Cơ quan điều tra không quy kết số tiền này là tiền lừa đảo là có cơ sở. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo là mẹ đơn thân, có con nhỏ cần nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này để quyết định hình phạt tương xứng đối với bị cáo. Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị H là Luật sư Phùng Ngọc L1 trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét các vấn đề sau: Không có ý kiến tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ

luật hình sự; bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền là 200 triệu đồng theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có hành vi đầu thú khi bị phát hiện, bị cáo không có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình, là mẹ đơn thân đang nuôi 02 con nhỏ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ các lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lê Thị H không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nói lời nói sau cùng là gửi lời xin lỗi đối với bị hại và gia đình bị hại, mong HĐXX tuyên mức hình phạt nhẹ cho bị cáo sớm ngày hoà nhập xã hội để trở về với gia đình và nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật;

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, động cơ, mục đích, thủ đoạn, tang vật thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo đã lợi dụng tình trạng chồng của bị hại đang bị Cơ quan có thẩm quyền tạm giam về hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo đã có hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin tưởng là bị cáo có quen biết với những người có thẩm quyền có thể giúp cho chồng của bị hại được tại ngoại. Bị cáo đã nhiều lần yêu cầu bị hại đưa tiền cụ thể: từ ngày 05/7/2024 đến ngày 08/9/2024, bị cáo đã

dùng thủ đoạn gian dối làm bị hại tin tưởng để bị cáo 05 lần gom tiền đưa cho bị cáo với tổng số tiền là 185 triệu đồng và bị cáo đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người trên 18 tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối, tạo ra thông tin sai lệch cho rằng bị cáo có quen biết với người có thẩm quyền có thể giúp cho chồng của bị hại được tại ngoại làm cho bị hại tin tưởng và giao tiền cho bị cáo tổng số tiền là 185 triệu đồng để bị cáo chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận thức được nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo Lê Thị H đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 02 (hai) năm đến 07 (bảy) năm. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh An Giang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất nghiêm trọng, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 185 triệu đồng gần cuối mức định lượng giá trị của khung hình phạt là 200 triệu; Chỉ vì mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của bị hại để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bất chấp việc bị hại là người thân quen của mình; bị cáo có mối quan hệ thân quen với bị hại nên biết rõ về hoàn cảnh khó khăn về tài chính, để có được tiền đưa cho bị cáo, bị hại đã phải vay tiền của người khác và cầm cố tài sản để có đủ tiền đưa cho bị cáo; Bị cáo đã liên tiếp thực hiện thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối để dẫn dắt cho bị hại gom 05 lần tiền đưa cho bị cáo với tổng số tiền là 185 triệu đồng, điều đó thể hiện sự quyết liệt trong việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo chỉ vì vụ lợi cá nhân mà bất chấp tất cả, thể hiện sự xem thường pháp luật, bất chấp đạo đức xã hội, gây ra thiệt hại cho bị hại, làm xã hội lên án và bất bình. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đủ sức răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo của người bào chữa là không phù hợp nên không được chấp nhận; Đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 Bộ luật hình sự của Viện kiểm sát là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra HĐXX còn xét xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo như: bị hại có yêu cầu HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là mẹ đơn thân có 02 chưa thành niên còn rất nhỏ cần được chăm sóc, bị cáo đầu thú.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Vật chứng: Các vật chứng và số tiền thu giữ trong vụ án đã được trả lại cho bị hại trong giai đoạn điều tra theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 18/4/2025 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[8] Các vấn đề khác: Đối với số tiền 15 triệu đồng mà bị hại đã chuyển cho bị cáo lần đầu, tại phiên toà bị hại cũng xác định đây là số tiền mà bị hại tự nguyện chuyển cho bị cáo không phải là số tiền mà bị cáo đã lừa đảo bị hại nên Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là khoản tiền mang tính chất dân sự phù hợp với Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và đề nghị của Viện kiểm sát.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 27/02/2025.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THA-DS tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam số 1 – An Giang;
- Văn phòng CSĐT (PC10)
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng GDKT, TTr & THA;
- Văn phòng; Tòa HS
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ